



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **310** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **18** tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 và định hướng nhiệm vụ năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo công tác ngành nội vụ và Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024 và định hướng nhiệm vụ CCHC trọng tâm năm 2025 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC

a) Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2024 của tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024¹ và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc trong quá trình thực hiện. Đến nay đã cơ bản hoàn thành 55/55 nhiệm vụ, đạt 100% kế hoạch đề ra.

b) Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đã tổ chức nhiều phiên họp của Ban Chỉ đạo nhằm phân tích, đánh giá kết quả các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI của tỉnh năm 2023; đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm 2024, tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện năm 2023².

¹ Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024.

² Công văn số 369/UBND-TTHC ngày 19/01/2024 về việc triển khai Đề án "Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030" năm 2024 của Bộ Nội vụ; Thông báo số 54/TB-UBND ngày 01/02/2024 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và họp Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 653/UBND-TTHC ngày 02/02/2024 về việc triển khai Kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ; Công văn số 974/UBND-TTHC ngày 28/02/2024 về việc triển khai thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tại Phiên họp thứ bảy ngày 02 tháng 02 năm 2024; Công văn số 1313/UBND-TTHC ngày 14/3/2024 về việc đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2024; Công văn số 1791/UBND-TTHC ngày 10/4/2024 về việc triển khai khắc phục, nâng cao Chỉ số PAPI trong năm 2024; Công văn số 2268/UBND-TTHC ngày 06/5/2024 về việc triển khai khắc phục, nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS trong năm 2024; Thông báo số 264/TB-UBND ngày 04/6/2024 kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại phiên họp Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Ngãi ngày 30/5/2024; Công văn số 5893/UBND-TTHC ngày 31/10/2024 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trong 02 tháng cuối năm 2024; Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của các sở, ban, ngành, địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2023-2030³ thay thế Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện; đồng thời ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh⁴.

2. Về kiểm tra công tác CCHC

a) Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch⁵ và tổ chức thực hiện, trong năm 2024 sẽ tiến hành kiểm tra 07 sở, ban, ngành, 04 huyện, thị xã, thành phố và một số đơn vị hành chính cấp xã thuộc 04 huyện, thị xã, thành phố nêu trên; đến nay đã thực hiện hoàn thành công tác kiểm tra. Qua kiểm tra cho thấy các sở, ban, ngành, địa phương đã nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; chỉ đạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định tại Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh. Đồng thời, qua kiểm tra cũng đã chỉ ra những hạn chế, thiếu sót và đã đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục trong thời gian tới.

b) Ngoài ra, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

a) Công tác tuyên truyền CCHC được tỉnh quan tâm triển khai thường xuyên, đồng bộ, tập trung chuyển tải trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh⁶; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC; thống nhất nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau.

b) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông ban hành hơn 70 văn bản hướng dẫn tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền về công tác CCHC, công tác chuyển đổi số và Đề án 06; trong đó hình thức tuyên truyền được đổi mới theo phương châm kết hợp ứng dụng công nghệ với đa dạng kênh truyền thông, chú trọng trên các nền tảng số nhằm hướng đến nhiều đối tượng phù hợp đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra; tổ chức sản xuất video clip tuyên truyền về các chỉ số trên các nền tảng số năm 2024, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện

³ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh.

⁴ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁵ Quyết định số 90/QĐ-SNV ngày 14/3/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, công tác thanh niên và quản lý văn thư, lưu trữ năm 2024.

⁶ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/01/2024 về tuyên truyền CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2024 về truyền thông chuyển đổi số năm 2024.

sản xuất 03 video clip tuyên truyền CCHC phát sóng trên sóng truyền hình của PTQ, đăng tải trên màn hình Led và các nền tảng số; phát hành 11 bản tin “CCHC” xuất bản trên nền tảng số; cập nhật hơn 560 tin, bài tuyên truyền về công tác CCHC, chuyển đổi số để đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền thông; phát sóng 52 số chuyên mục “CCHC” (01 số/tuần, thời lượng 05 phút/số) phát trên kênh phát thanh; sản xuất 12 số Chuyên mục CCHC (01 số/tháng, thời lượng 10 phút/số) phát trên kênh truyền hình PTQ.

c) Đặc biệt, đã tổ chức thành công Hội thi tuyên truyền CCHC, chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024, là một trong những sự kiện nổi bật trong chuỗi sự kiện tổ chức tuần lễ chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024. Có tổng cộng gần 500 nghìn lượt xem, hơn 42 nghìn lượt like và 57 nghìn lượt share của khán giả. Vòng chung kết với sự tham gia của 04 đội thi xuất sắc nhất, sự tham gia cổ vũ của gần 300 công chức, viên chức, đoàn viên thanh niên và được Livestream trên Fanpage Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Fanpage Sở Thông tin và Truyền thông. Qua Hội thi đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện; qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI của tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

- Công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên, chú trọng nâng cao chất lượng, đảm bảo đúng quy định. Năm 2024 đã thực hiện thẩm định 142 lượt dự thảo văn bản QPPL (60 nghị quyết, 82 quyết định) và 10 đề nghị xây dựng nghị quyết, qua đó đã ban hành 113 văn bản QPPL (39 nghị quyết, 74 quyết định); thực hiện góp ý 92 văn bản của Trung ương⁷.

- Các văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

- Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024⁸; chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại UBND các huyện: Sơn Hà, Nghĩa Hành, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi⁹; thực hiện báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹⁰.

⁷ 07 đề nghị xây dựng Luật, 01 đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội, 27 Luật, 01 Nghị quyết của Quốc hội, 02 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 24 Nghị định, 01 Tờ trình của Chính phủ, 22 Thông tư, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Quyết định của Bộ trưởng, 02 Quy chuẩn của Bộ trưởng.

⁸ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 30/01/2024.

⁹ Quyết định số 33/QĐ-STP ngày 12/3/2024; Quyết định số 62/QĐ-STP ngày 20/6/2024; Quyết định số 77/QĐ-STP ngày 09/7/2024; Quyết định số 126/QĐ-STP ngày 04/11/2024.

¹⁰ Báo cáo số 340/BC-STP ngày 09/12/2024.

- Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành: UBND tỉnh đã thực hiện bổ sung lĩnh vực trọng tâm liên ngành về theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh¹¹. Trên cơ sở đó, chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản bổ sung nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành; văn bản gửi Danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024; Phương án điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm, tình hình thi hành pháp luật về quản lý thuế trên địa bàn tỉnh; thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm, tình hình thi hành pháp luật về quản lý thuế trên địa bàn tỉnh; thực hiện báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm, tình hình thi hành pháp luật về quản lý thuế trên địa bàn tỉnh theo quy định¹².

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):

- Công tác PBGDPL được triển khai thực hiện thường xuyên, hiệu quả, Hội đồng Phối hợp, PBGDPL tỉnh đã tổ chức 02 Hội nghị triển khai 08 văn bản luật mới ban hành¹³ cho hơn 300 lượt đại biểu tham dự; tổ chức Hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam¹⁴. Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “*Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật*” năm 2024¹⁵; theo đó, trong năm 2024, đã thực hiện truyền thông 23 dự thảo văn bản QPPL do các sở, ngành chủ trì tham mưu soạn thảo.

- Tổ chức kiểm tra thực tế công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 03 đơn vị cấp huyện và 18 đơn vị cấp xã¹⁶; kiểm tra 02 cơ quan là thành viên Hội đồng PBGDPL tỉnh, gồm: Sở Giao thông vận tải và Sở Kế hoạch và Đầu tư¹⁷. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc của cơ quan, địa phương trong công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật; từ đó, đã đề xuất, kiến nghị khắc phục những tồn tại, hạn chế và hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác này tại các cơ quan và địa phương. Phối hợp với Ban Quản lý dự án chuyên trách của Bộ Tư pháp về tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE) và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức 02 lớp tập huấn “Bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở” cho 90 hòa giải viên cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, đã chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở cho hơn

¹¹ Công văn số 1342/UBND-NC ngày 15/3/2024.

¹² Công văn số 1114/STP-XDKT&TDTHPL ngày 19/7/2024; Công văn số 1115/STP-XDKT&TDTHPL ngày 19/7/2024; Phương án số 1707/PA-STP ngày 25/10/2024; Công văn số 1729/STP-XDKT&TDTHPL ngày 28/10/2024, Công văn số 1720/STP-XDKT&TDTHPL ngày 28/10/2024 và Công văn số 1731/STP-XDKT&TDTHPL ngày 28/10/2024; Báo cáo số 288/BC-STP ngày 12/11/2024.

¹³ Luật Căn cước; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Viễn thông (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Lưu trữ.

¹⁴ Với nội dung “Tổng kết, biểu dương, khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, thi hành, bảo vệ, chấp hành Hiến pháp, pháp luật và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2022 - 2024 và Tổng kết Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về lao động” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”.

¹⁵ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 05/02/2024.

¹⁶ Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 13/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

¹⁷ Quyết định số 09/QĐ-HĐPBGDPL ngày 07/6/2024.

1.400 lượt đại biểu tham dự tại địa phương; tổ chức 01 lớp tập huấn, hướng dẫn các nội dung liên quan đến thực hiện Đề án “*Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật*” với gần 200 đại biểu là Báo cáo viên pháp luật tỉnh, công chức phụ trách công tác pháp chế của các sở, ban, ngành, đại diện Phòng Tư pháp huyện, báo cáo viên pháp luật huyện.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL:

- Về kiểm tra văn bản QPPL:

+ Thực hiện tự kiểm tra đối với 74 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành và một số văn bản cá biệt do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (*đạt tỷ lệ 100%*). Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với 75 văn bản QPPL do các huyện, thị xã, thành phố gửi đến sau khi ban hành (*05 nghị quyết; 70 quyết định*).

+ Thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề và báo cáo Bộ Tư pháp kết quả tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề về thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2015 - 2023; chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023. Qua kiểm tra đã đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung đối với 03 quyết định và các sở, ngành đã tham mưu thực hiện xử lý 03/03 văn bản bị kiến nghị.

+ Chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra văn bản QPPL tại HĐND, UBND các huyện Sơn Hà, Nghĩa Hành, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi ban hành từ năm 2021 - 2023, kiểm tra công tác ban hành văn bản QPPL tại HĐND, UBND huyện Sơn Hà ban hành từ năm 2021 - 2023. Qua kiểm tra 53 văn bản QPPL (*15 nghị quyết, 38 quyết định*) và một số văn bản cá biệt chứa quy phạm, đã kiến nghị xử lý đối với 26 văn bản (*10 văn bản QPPL, 16 văn bản cá biệt*) sai nội dung, thẩm quyền ban hành và sai hình thức, trong đó đề nghị bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần đối với 11 văn bản (*05 văn bản QPPL, 06 văn bản cá biệt*) và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để thay thế đối với 15 văn bản (*05 văn bản QPPL, 10 văn bản cá biệt*). Hiện nay, các huyện Ba Tơ, Tư Nghĩa và Sơn Hà đã thực hiện xử lý đạt 100% văn bản bị kiến nghị.

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

+ Triển khai thực hiện việc rà soát các văn bản QPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô và thực hiện báo cáo kết quả rà soát theo quy định¹⁸.

+ Thực hiện công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần năm 2023¹⁹; công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023²⁰ và thực

¹⁸ Báo cáo số 166/BC-STP ngày 10/7/2024; Báo cáo số 258/BC-STP ngày 15/10/2024.

¹⁹ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 24/01/2024, cụ thể: Số văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2023 là 68 văn bản (31 nghị quyết, 36 quyết định và 01 chỉ thị); trong đó: 45 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (17 nghị quyết, 27 quyết định và 01 chỉ thị) và 23 văn bản hết hiệu lực một phần (14 nghị quyết và 09 quyết định).

²⁰ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 27/02/2024, kết quả: Tổng số 1.043 văn bản QPPL (378 nghị quyết, 646 quyết định và 19 chỉ thị), trong đó: 626 văn bản QPPL còn hiệu lực (217 nghị quyết, 405 quyết định và 04 chỉ thị), 417 văn bản QPPL

hiện báo cáo Bộ Tư pháp kết quả hệ thống hóa theo quy định²¹. Hiện nay, UBND tỉnh, HĐND tỉnh đã ban hành 37 văn bản QPPL (12 nghị quyết, 25 quyết định) để xử lý 62/98 văn bản QPPL (14 nghị quyết, 47 quyết định, 01 chỉ thị) bị kiến nghị.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC tiếp tục được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo kịp thời và ban hành đầy đủ các văn bản²² để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh ban hành văn bản để triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ được giao.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 124 Quyết định công bố TTHC, Danh mục TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền; trong đó, có 448 TTHC mới ban hành, 452 TTHC sửa đổi, bổ sung, 34 TTHC thay thế và 209 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ số hóa TTHC:

- Trong năm 2024 tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ TTHC; theo đó, để triển khai thực hiện, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến số hóa hồ sơ, giấy tờ trong hoạt động giải quyết TTHC²³; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành để làm giàu dữ liệu; phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử; đặc biệt có giải pháp để nâng tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Một số kết quả đạt được:

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong năm 2024 được đẩy mạnh và tăng so với năm 2023, riêng cấp huyện, cấp xã tăng gần gấp 02 lần; cấp tỉnh: Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 99,90%, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết đạt 99,80%; cấp huyện đạt 99,50% và 94,50%; cấp xã đạt 99,80% và 98,60%.

+ Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTHC theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần đạt

hết hiệu lực toàn bộ (161 nghị quyết, 241 quyết định và 15 chỉ thị), 52 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần (24 nghị quyết và 28 quyết định) và 98 văn bản kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (22 nghị quyết, 74 quyết định và 02 chỉ thị).

²¹ Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 14/3/2024.

²² Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/02/2024 kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 07/02/2024 về truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Công văn số: 973/UBND-TTHC ngày 28/02/2024, 2370/UBND-TTHC ngày 13/5/2024, 3882/UBND-TTHC ngày 22/7/2024.

²³ Nhiệm vụ được giao tại Công văn số 5864/UBND-TTHC ngày 21/11/2023; Công văn chỉ đạo số 751/UBND-TTHC ngày 07/02/2024.

41,24% (đến thời điểm hiện tại, khai thác 231.555 hồ sơ), chủ yếu khai thác, tái sử dụng thành phần hồ sơ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp:

- Cấp tỉnh (Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh):

+ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của 18 sở, ngành và Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Quảng Ngãi; phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Trung tâm tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; hồ sơ giải quyết đảm bảo về tiến độ theo quy định; hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt tỷ lệ cao, tăng cao hơn so với năm 2023.

+ Thực hiện nghiêm túc thông báo tình trạng hồ sơ giải quyết TTHC được tiếp nhận, xử lý, công khai văn bản xin lỗi, hẹn lại ngày trả kết quả đối với các hồ sơ xử lý bị trễ hẹn, nhận kết quả giải quyết trước hạn; hệ thống tổng đài của Trung tâm đã thông báo khoảng 164.992 tin nhắn SMS đến người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số khoảng 55.000 hồ sơ.

- Cấp huyện, cấp xã: Qua theo dõi, thống kê trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tình hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện tốt; tỷ lệ hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn đạt tỷ lệ tương đối cao, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến tiếp tục tăng cao.

đ) Tình hình, kết quả giải quyết TTHC:

- Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh: Số lượng hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm ước đạt khoảng 160.674 hồ sơ, đã giải quyết 157.474 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng 156.709 hồ sơ, trễ hạn khoảng 765 hồ sơ; đang giải quyết khoảng 3.200 hồ sơ.

- Bộ phận Một cửa của 13/13 huyện, thị xã, thành phố: Tiếp nhận khoảng 30.130 hồ sơ; đã giải quyết khoảng 29.781 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn khoảng 29.632 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,5%, trễ hạn khoảng 149 hồ sơ; đang giải quyết khoảng 349 hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích:

+ Về dịch vụ công trực tuyến: 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến, tỉnh đã cung cấp 1.380/1.780 dịch vụ công trực tuyến (chiếm 77,5%), trong đó, dịch vụ công trực tuyến toàn trình có 734/1.780 TTHC (chiếm 41,2%) và dịch vụ công trực tuyến một phần có 646/1.780 TTHC (chiếm 36,3%). Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả giải pháp ưu tiên thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết, trả kết quả sớm hơn tối thiểu 20% so với thời hạn giải quyết theo quy định đối với hồ sơ nộp trực tuyến; thực hiện tiếp nhận, trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến; thực hiện giảm 50% phí, lệ phí trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến đối với TTHC dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải

quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; qua đó, góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến tại Bộ phận một cửa các cấp so với năm 2023, đặc biệt Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã tăng vượt bậc, gần 02 lần so với năm 2023: Cấp tỉnh đạt 80%, cấp huyện đạt 70%, cấp xã đạt 97%.

+ Về thanh toán trực tuyến: Số lượng hồ sơ phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến năm 2024 tăng gần gấp 03 lần so với năm 2023, toàn tỉnh đã thanh toán ước đạt khoảng 87 tỷ đồng, với khoảng 250.000 giao dịch (*riêng tại Trung tâm thanh toán khoảng 56 tỷ đồng*); theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỉnh Quảng Ngãi có tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 70,18%.

+ Về dịch vụ bưu chính công ích: Trong năm 2024 có khoảng 35.000 hồ sơ được nộp và trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân; giúp tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân.

e) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong năm 2024 đã tiếp nhận khoảng 300 phản ánh, kiến nghị về TTHC, trong đó: 24 phản ánh, kiến nghị của công dân qua đơn thư; 250 phản ánh được tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ thuộc Cổng Dịch vụ công Quốc gia, 26 phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng và tại trụ sở. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

g) Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm: Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức tiếp tục nâng cao; đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC đạt đến 99,99%, với tổng số lượt đánh giá đạt khoảng 88.332 lượt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Công tác tổ chức bộ máy: Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn²⁴, Sở Y tế²⁵, Thanh tra tỉnh²⁶, Sở Công Thương²⁷; Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy sản, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Phát triển nông thôn, Quản lý chất lượng và thị trường nông sản, Chi cục Kiểm lâm²⁸; sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và Các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi²⁹; báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018- 2023³⁰; báo cáo chuyên đề đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị theo Kế hoạch 241-KH/TU ngày 18/12/2023; Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh: Báo

²⁴ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh.

²⁵ Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh.

²⁶ Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh.

²⁷ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh.

²⁸ Các Quyết định số: 31/2024/QĐ-UBND, 39/2024/QĐ-UBND, 40/2024/QĐ-UBND, 41/2024/QĐ-UBND, 42/2024/QĐ-UBND, 43/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh.

²⁹ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh.

³⁰ Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh;

cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuyên đề về đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị khối Nhà nước và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong nhiệm kỳ đến³¹; báo cáo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy³².

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 248-KH/TU ngày 20/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập³³; chỉ đạo các sở, ngành liên quan xem xét đánh giá Tổ chức hoạt động Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện³⁴; báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023³⁵. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quân dân y tỉnh Quảng Ngãi³⁶; xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế³⁷, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm³⁸; giải thể Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi³⁹; phê duyệt Đề án chuyển giao các Bảo tàng chuyên đề (Bảo tàng Khởi nghĩa Ba Tơ, Bảo tàng Chiến thắng Vạn Tường, Nhà Trưng bày văn hóa Sa Huỳnh và các điểm di tích) về UBND huyện Ba Tơ, UBND huyện Bình Sơn, UBND thị xã Đức Phổ quản lý⁴⁰; tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi và đổi tên thành Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi⁴¹; Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của: Trung tâm chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi⁴²; Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi⁴³ và Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh Quảng Ngãi⁴⁴. Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập⁴⁵.

b) Biên chế, tinh giản biên chế:

- Về biên chế: Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính⁴⁶ năm 2024 là 2.100 biên chế, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập⁴⁷ năm 2024 là 22.816 người; số lượng người làm việc trong các

³¹ Báo cáo số 1401-BC/BCS ngày 05/02/2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh.

³² Báo cáo số 1876-BC/BCSD ngày 11/12/2024 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh.

³³ Kế hoạch 28/KH-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh.

³⁴ Công văn số 976/UBND-NC ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁵ Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh.

³⁶ Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁷ Quyết định 592/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁸ Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁹ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh.

⁴⁰ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴¹ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh.

⁴² Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴³ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁴ Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁵ Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh.

⁴⁶ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.

⁴⁷ Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.

hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động⁴⁸ năm 2024 là 69 người; quyết định giao bổ sung 72 biên chế sự nghiệp giáo dục năm học 2023-2024⁴⁹. Ngoài ra, đã hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (*hành chính: 35/35 đề án; sự nghiệp: 25/25 đề án*); báo cáo Bộ Nội vụ kết quả xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của các bộ ngành trung ương⁵⁰.

- Về tinh giản biên chế: Trong năm 2024 đã phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế cho 20 cơ quan, đơn vị, địa phương với tổng số 178 đối tượng (*hành chính: 9, sự nghiệp: 150, cấp xã: 19*).

c) Về thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Trên cơ sở các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành; các sở, ban, ngành, địa phương ban hành đã kịp thời tham mưu, ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý⁵¹; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 về quy định phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi⁵².

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về công tác cán bộ, công chức, viên chức:

- UBND tỉnh đã tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trước khi Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công tác cán bộ theo quy định, kết quả: Quyết định điều động, luân chuyển, tiếp nhận đối với 17 trường hợp; bổ nhiệm đối với 06 trường hợp; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 07 trường hợp; giao phụ trách, điều hành và giao quyền 05 trường hợp; tham mưu văn bản tham vấn ý kiến Bộ Nội vụ về giao phụ trách, điều hành UBND tỉnh; thôi giữ chức vụ đối với 04 trường hợp; nghỉ hưu, thôi việc theo nguyện vọng đối với 09 trường hợp; ý kiến về công tác cán bộ 08 trường hợp; cử công chức tham gia làm đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Sơn Mỹ; quyết định thi hành kỷ luật 04 trường hợp và tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ thi hành kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách chức vụ đối với 02 trường hợp.

⁴⁸ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh.

⁴⁹ Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh.

⁵⁰ Báo cáo số 67/BC-SNV ngày 29/3/2024 của Sở Nội vụ.

⁵¹ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 ban hành Quy định phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 ban hành quy định phân cấp QL CB, CC, VC...; Đề xuất phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Công văn số 3823/UBND-NC ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi); văn bản đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp, ủy quyền (Công văn số 1402/SNV-TCBC ngày 29/8/2022 của Sở Nội vụ); Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND huyện Bình Sơn về phân cấp một số nhiệm vụ quản lý lý NN ngành, lĩnh vực Nội vụ của huyện; Quyết định về ủy quyền Quản lý nhà nước lĩnh vực đất đai, văn hóa: Số 1328/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, số 24/QĐ-UBND ngày 11/01/2022.

⁵² Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh.

- Tuyển dụng công chức, viên chức đối với 06 sinh viên cử tuyển các huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long; cập nhật, bổ sung danh mục ngành nghề cần thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tỉnh cần ưu tiên thu hút đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2023⁵³; thống nhất 743 chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên cho năm học 2024-2025 (*Bậc mầm non: 138 chỉ tiêu, Bậc tiểu học 347 chỉ tiêu, Bậc trung học cơ sở: 150 chỉ tiêu, Bậc trung học phổ thông: 108 chỉ tiêu*).

- Ngoài ra, chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện tốt theo quy định công tác chuyển, tiếp nhận công chức, viên chức, kết quả: Tiếp nhận 45 trường hợp vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp nhận vào làm công chức lãnh đạo, quản lý: 07 công chức; tiếp nhận vào làm viên chức lãnh đạo, quản lý: 02 viên chức; tiếp nhận vào làm công chức: 29 công chức; chuyển chuyên nội bộ: 18 công chức, 113 viên chức; chuyển ra ngoài: 06 công chức, 22 viên chức; tiếp nhận từ ngoài tỉnh và khối Đảng: 04 công chức, 23 viên chức. Triển khai đến các sở, ban, ngành, địa phương một số điểm mới cơ bản của Nghị định số 116/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức xã tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ⁵⁴ để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2024.

- Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định cử đi đào tạo sĩ quan dự bị bằng nguồn ngân sách địa phương năm 2024 cho 45 học viên chính thức và 14 học viên dự phòng; Quyết định cử đi đào tạo tiến sĩ nước ngoài 01 viên chức, đi bồi dưỡng nước ngoài 02 viên chức; chỉ đạo Sở Nội vụ triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 và kết quả: Đã phối hợp với các cơ sở đào tạo mở 44 lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh năm 2024 cho gần 3.367 học viên.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng, HĐND tỉnh giao 8.491.289 triệu đồng, kết quả giải ngân đến 30/11/2024 là 2.889.247 triệu đồng, đạt 34% so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao.

⁵³ Quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển và kết quả trúng kết quả trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023. Hủy bỏ kết quả trúng tuyển đối với thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng, không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc, thí sinh sử dụng văn bằng không đúng quy định để tham gia dự tuyển kỳ xét tuyển viên chức của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; công nhận kết quả trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng đối với thí sinh dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của thí sinh đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023. Thực hiện xác minh bằng tốt nghiệp của các thí sinh trúng tuyển và ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức năm 2023.

⁵⁴ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024.

b) Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương⁵⁵; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2025 - 2027⁵⁶; thực hiện các bước cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập khi đủ điều kiện đối với Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe tỉnh Quảng Ngãi.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên lĩnh vực phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi⁵⁷; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 16/7/2024 về việc tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 về việc triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 11/9/2024 truyền thông nâng cao hiệu quả sử dụng ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và ứng dụng trên nền tảng di động phục vụ hoạt động của tổ chức và công dân tỉnh Quảng Ngãi.

Trong năm, đã tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nhằm hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia với chuỗi 6 sự kiện liên tục từ ngày 24/9-02/10/2024, thu hút được đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân theo dõi, lan tỏa rộng rãi đến các địa phương trong tỉnh⁵⁸. Tổ chức Chương trình Tọa đàm về thực trạng và giải pháp triển khai “Thanh toán không dùng tiền mặt” trên địa bàn tỉnh, với sự tham dự của hơn 120 đại biểu là lãnh đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đại diện các Tổ công nghệ số cộng đồng; qua đó, đã phát hiện nhiều mô hình hay để nhân rộng trên toàn tỉnh. Phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh tổ chức hội thảo “thực trạng và định hướng, giải pháp phát triển kinh tế số tỉnh Quảng Ngãi” thu hút hơn 100 đại biểu trong và ngoài tỉnh tham gia. Phối hợp tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCS với hơn 1.700 lượt người tham gia; tập huấn cho hơn 2.000 thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng để triển khai các mô hình hỗ trợ về kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp như: Tuyến phố không dùng tiền mặt, hỗ trợ người dân thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, hỗ trợ nông dân đưa sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số thiết yếu và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

⁵⁵ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương.

⁵⁶ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh, Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 27/8/2024 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027.

⁵⁷ Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 20/12/2023 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

⁵⁸ Gồm: 03 phiên Hội thảo về chuyển đổi số nông nghiệp, chuyển đổi số gắn với CCHC, phát triển kinh tế số, kết nối cung cầu công nghệ số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng cho cán bộ làm công tác ATTT trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; Hội thi tuyên truyền CCHC, chuyển đổi số bằng hình thức sân khấu hóa.

b) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp tổ chức đăng tải, cập nhật thường xuyên dữ liệu TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo các Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện kết nối hệ thống liên thông Bộ Công an và Lý lịch tư pháp, Hộ tịch; triển khai kết nối để thực hiện chứng thực bằng VneID.

c) Đến nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT)⁵⁹; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được vận hành ổn định, giúp chia sẻ dữ liệu 26 hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh, kết nối nền tảng NDXP để khai thác 19 hệ thống thông tin Quốc gia và các Bộ, ngành. Trung tâm dữ liệu tỉnh đã triển khai, vận hành 24 phần mềm, cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai 1.526 cơ quan, đơn vị, trên 95% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tiếp tục được triển khai đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối, tích hợp với CSDL, HTTT của các Bộ, ngành; 100% người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử - VNeID.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác CCHC tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, ban hành đầy đủ các văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 và định kỳ họp Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công tác cải cách TTHC tiếp tục được đẩy mạnh, có nhiều chuyển biến tích cực; các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ được giao; việc tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến tiếp tục được đẩy mạnh, qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ phát sinh dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM NĂM 2025

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành

⁵⁹ Một số nền tảng, CSDL, HTTT quan trọng đã triển khai: nền tảng số, HTTT, CSDL như: Giải quyết TTHC tỉnh; Cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; Hội nghị truyền hình; Mail Công vụ; Hệ thống xác thực tập trung; Công báo tỉnh; Thông tin báo cáo; Quản lý nhiệm vụ; Tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Cảnh báo lũ trên 04 sông chính; Xử lý vi phạm hành chính; Bản đồ số 2D, 3D KKT Dung Quất; SOC; Quản lý Đô thị thành phố Quảng Ngãi; Các CSDL: Cơ quan nhà nước cấp huyện, CBCCVC, Tôn giáo, Di tích lịch sử, văn hóa, Ngành Nông nghiệp, Ngành Giáo dục, Thanh tra - kiểm tra, Chứng thực, Đất đai tại 08 huyện; Kho dữ liệu số về kết quả giải quyết TTHC tỉnh; Kho lưu trữ tài liệu lịch sử tỉnh; App Công chức và Công dân; Cổng dữ liệu mở; nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu; Nền tảng phòng chống mã độc tập trung.

chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ CCHC đề ra tại Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tổ chức tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của tỉnh theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ; thực hiện điều tra xã hội học, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, địa phương năm 2025 nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách thể chế: Nâng cao chất lượng soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản QPPL của tỉnh đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền, PBGDPL.

4. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao về công tác kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; thực hiện tốt công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết giải quyết TTHC, tăng tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn trong các lĩnh vực, đảm bảo thực hiện đạt các chỉ tiêu được giao về cải cách TTHC tại Nghị quyết 04/NQ-TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy; thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ liệu số hóa để tiết kiệm thời gian, chi phí cho công dân khi nộp hồ sơ TTHC; chỉ đạo triển khai thực hiện các TTHC thiết yếu theo nhiệm vụ của Đề án 06; tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao về triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, tái cấu trúc TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy thuộc khối chính quyền tỉnh theo chủ trương chung của Đảng, Chính phủ.

6. Thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với công tác chuyển đổi số: Rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; đẩy mạnh tuyên truyền CCHC, nâng cao các chỉ số của tỉnh.

7. Tăng cường thực hiện kiểm tra công tác CCHC; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đôn đốc, hướng dẫn, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2024 và một số nhiệm vụ trọng tâm về CCHC năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Hoàng Giang

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
NĂM 2024 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Báo cáo số 310/BC-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt...)	Văn bản	12	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	55	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	55	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	112	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	112	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			Năm 2024 Sở Nội vụ không thực hiện các cuộc thanh tra chuyên ngành (Theo Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 2024)
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	210	120 nhiệm vụ đã hoàn thành, đang chờ VPCP xác nhận; 56 nhiệm vụ còn trong hạn
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	34	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	88.332	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến=0 Phát phiếu=1 Kết hợp=2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	281	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	113	
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	126	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	42	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	128	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản	10	
2.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	10	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1.043	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	63,26	
3.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	98	
3.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	62	
III. Cải cách thủ tục hành chính				
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	448	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	243	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.979	
1.4.1	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	1.499	
1.4.2	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	335	
1.4.3	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	145	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	271	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	116	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,51	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	157.474	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	156.709	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,50	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	29.781	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	29.632	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,21	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	297.068	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	294.713	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	300	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	300	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	13/13
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	02	
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	12	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	679	Chưa tính 173 Trạm Y tế xã
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	05	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	104	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	570	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	22,66	Số ĐVSNCL năm 2015: 878 (chưa tính 183 trạm y tế xã)
2	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.100	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.953	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	177	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	24	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,79	Năm 2015 giao 2.408 (kể cả 225 biên chế chuyển qua khối đảng quản lý); Năm 2024 giao 2.100
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	22.164	Chưa kể số hưởng lương từ nguồn thu của ĐVSNNCL
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21.188	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	550	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16,54	Năm 2015 giao 26.129; Năm 2024 giao 21.806
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	35	35/35 cơ quan
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	681	681/681 đv
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	26	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	200	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người	42	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	01	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	05	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	02	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	34	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	34	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.491.289	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.889.247	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	698	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	10	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	5	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	14	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	21	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	608	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	Đã cập nhật phiên bản 2.0; đang cập nhật phiên bản 3.0
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1; 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0; Đang làm = 1 H. thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
	bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,35	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	92,32	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	85,35	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	734	
6.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	734	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	92,62	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	515	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	477	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	90,41	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	181.637	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	164.215	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	82,87	
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	326.787	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Thủ tục	270.820	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
6.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	Thủ tục	545	
6.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	Thủ tục	545	
